

BÀI TẬP CHƯƠNG 5 – RÀNG BUỘC TOÀN VẸN

BÀI TẬP:

Yêu cầu: Phát biểu chặt chẽ ràng buộc toàn vẹn (phát biểu bối cảnh, nội dung và bảng tầm ảnh hưởng)

Câu 1. Cho quan hệ NHANVIEN (MaNV, HoTen, DChi, SoDT, MaNQL, MaPhong)

RBTV: Mã người quản lý của nhân viên cũng là một nhân viên trong công ty

Câu 2. Cho quan hệ PHANCONG (MaNV, MaDA, ThoiGian)

RBTV: Thời gian thực hiện Dự Án của nhân viên không được vượt quá 30 ngày

Câu 3. Cho các quan hệ

DUAN (MaDA, TenDA, NgayBD, NgayKT)

PHANCONG (MaNV, MaDA, ThoiGian)

RBTV: Dự án phân công cho nhân viên phải thuộc các dự án của công ty

Lưu ý: Không sửa được giá trị của thuộc tính khóa chính

Câu 4. Cho các quan hệ

NHANVIEN (MaNV, HoTen, DChi, SoDT, NgaySinh, MaPhong)

PHONGBAN (MaPhong, TenPhong, TruongPhong, NgayNhanChuc)

RBTV: Ngày sinh của Trưởng phòng phải nhỏ hơn ngày Trưởng phòng đó nhận chức

Câu 5. Cho các quan hệ

NHANVIEN (MaNV, HoTen, DChi, SoDT, Luong, MaPhong)

PHONGBAN (MaPhong, TenPhong, TruongPhong)

RBTV: Lương của nhân viên không được cao hơn Trưởng phòng của nhân viên đó

Câu 6. Cho các quan hệ

NHANVIEN (MaNV, HoTen, DChi, SoDT, Luong, MaPhong)

PHONGBAN (MaPhong, TenPhong, TruongPhong, SLNV)

RBTV: Số lượng nhân viên của phòng ban là số lượng nhân viên thuộc phòng ban đó

Câu 7. Cho các quan hệ

GIANGVIEN (MaGV, HoTen, DChi, SoDT, MaKhoa)

MONHOC (MaMon, TenMon, MaKhoa)

GIANGDAY (MaGV, MaMon)

RBTV: Giảng viên chỉ được phân công giảng dạy những môn do Khoa của giảng viên đó phụ trách

Câu 8. Cho Lược đồ CSDL

BACSI (MaBS, HoTen, NamSinh, DiaChi, Khoa)

BENHNHAN (MaBN, HoTen, NamSinh, DiaChi)

KHAMCHUABENH (MaKCB, NgayKCB, TrieuChung, MaBN, MaBS,
TongTienThuoc)

TOATHUOC (MaKCB, MaThuoc, SoLuong, ThanhTien)

THUOC (MaThuoc, TenThuoc, MoTaThanhPhan, DonViTinh, DonGia)

RBTV1: Trong mỗi lần khám chữa bệnh, bác sĩ không được kê quá 10 thuốc khác nhau.

RBTV2: Tổng tiền thuốc của mỗi lần khám bệnh là tổng thành tiền các toa thuốc tương ứng.

ĐỀ THI:

I. QUẢN LÝ THẺ TÀI KHOẢN

<Trích đề 1 và 2 thi Cuối kỳ Học kỳ 1 năm học 2017-2018>

Cho lược đồ cơ sở dữ liệu “Quản lý thẻ tài khoản” gồm các quan hệ như sau:

KhachHang(MaKH, HoTen, NgaySinh, DiaChi, SoDT, CMND)

Tân từ: khách hàng có mã khách hàng (MaKH), họ tên (HoTen), ngày sinh (NgaySinh), địa chỉ (DiaChi), số điện thoại (SoDT) và chứng minh nhân dân (CMND).

LoaiTaiKhoan(MaLTK, TenLTK, MoTa)

Tân từ: loại tài khoản có mã loại tài khoản (MaLTK), tên loại tài khoản (TenLTK, VD: tiết kiệm, thanh toán, vay, ...) và mô tả.

TaiKhoan(SoTK, MaKH, MaLTK, NgayMo, SoDu, LaiSuat, TrangThai)

Tân từ: tài khoản có số tài khoản (SoTK), của khách hàng nào (MaKH), loại tài khoản (MaLTK), ngày mở (NgayMo), số dư (SoDu), lãi suất (LaiSuat) và trạng thái (TrangThai, VD: chưa kích hoạt, hoạt động, khóa, ...).

LoaiGiaoDich(MaLGD, TenLGD, MoTa)

Tân từ: loại giao dịch có mã loại (MaLGD), tên loại giao dịch (TenLGD, VD: gửi tiền, rút tiền, thanh toán hóa đơn, ...) và mô tả.

GiaoDich(MaGD, SoTK, MaLGD, NgayGD, SoTien, NoiDung)

Tân từ: giao dịch có mã giao dịch (MaGD), số tài khoản (SoTK), loại giao dịch (MaLGD), thời điểm giao dịch (NgayGD), số tiền (SoTien) và nội dung (NoiDung). **Ghi chú:** Các thuộc tính gạch dưới là các thuộc tính khóa chính.

Hãy phát biểu chặt chẽ ràng buộc toàn vẹn (1.5 điểm)

Đề 1:

Khách hàng chỉ được mở tài khoản (SoTK) khi khách hàng có tuổi từ 14 trở lên.

Đề 2:

Thời điểm giao dịch (NgayGD) của một tài khoản (SoTK) phải lớn hơn hoặc bằng ngày mở tài khoản đó (NgayMo).

II. QUẢN LÝ ĐƠN ĐẶT HÀNG

<Trích đề 1 và 2 thi Cuối kỳ Học kỳ 1 năm học 2018-2019>

Cho lược đồ cơ sở dữ liệu “Quản lý đơn đặt hàng” có cấu trúc như sau:

MATHANG (MAMH, TENMH, DVT, NUOCSX)

Tân từ: Quan hệ **MATHANG** chứa thông tin về các **mặt hàng**. Thông tin này gồm có: mã mặt hàng (MAMH), tên mặt hàng (TENMH), đơn vị tính (DVT) và nước sản xuất (NUOCSX). Mỗi mặt hàng sẽ được quản lý bằng một mã mặt hàng duy nhất (MAMH).

NHACC (MACC, TENCC, DIACHICC)

Tân từ: Quan hệ **NHACC** chứa thông tin về các **nha cung cap**. Thông tin này gồm có: mã nhà cung cấp (MACC), tên nhà cung cấp (TENCC) và địa chỉ nhà cung cấp (DIACHICC). Mỗi nhà cung cấp sẽ được quản lý bằng một mã số duy nhất (MACC)

CUNGCAP (MACC, MAMH, TUNGAY)

Tân từ: Quan hệ **CUNGCAP** chứa thông tin về các mặt hàng mà nhà cung cấp có thể cung cấp. Thông tin này gồm có: mã nhà cung cấp (MACC), mã mặt hàng (MAMH) và ngày bắt đầu cung cấp mặt hàng này (TUNGAY).

DONDH (MADH, NGAYDH, MACC, TONGTRIGIA, SOMH)

Tân từ: Quan hệ **DONDH** chứa thông tin về các **đơn đặt hàng**. Thông tin này gồm có: mã đơn hàng (MADH), ngày đặt hàng (NGAYDH), đặt hàng từ nhà cung cấp (MACC), tổng trị giá của đơn hàng (TONGTRIGIA) và số mặt hàng có trong mỗi đơn đặt hàng (SOMH). Khi thêm mới đơn đặt hàng thì TONGTRIGIA, SOMH được gán giá trị mặc định là 0. Mỗi đơn đặt hàng sẽ được quản lý bằng một mã đơn hàng duy nhất (MADH).

CHITIET (MADH, MAMH, SOLUONG, DONGIA, TRIGIA)

Tân từ: Quan hệ **CHITIET** chứa thông tin về các **chi tiết đặt hàng**. Thông tin này gồm có: mã đơn hàng (MADH), mã mặt hàng (MAMH), số lượng (SOLUONG), đơn giá (DONGIA) và trị giá của mặt hàng được đặt ($TRIGIA = SOLUONG \times DONGIA$).

Ghi chú: Các thuộc tính gach dưới là các thuộc tính khóa chính.

Hãy phát biểu chặt chẽ ràng buộc toàn vẹn (1.5 điểm)

Đề 1:

Tổng trị giá của đơn đặt hàng (TONGTRIGIA) bằng tổng các trị giá (TRIGIA) của các chi tiết đặt hàng thuộc đơn đặt hàng đó.

*Lưu ý: Không được sửa thuộc tính khóa chính.

Đề 2:

Thuộc tính số mặt hàng (SOMH) trong đơn đặt hàng phải bằng số mặt hàng thuộc chi tiết của đơn đặt hàng đó.

*Lưu ý: Không được sửa thuộc tính khóa chính.

III. QUẢN LÝ THẺ VẬN HỘI OLYMPIC

<Trích đề 1 và 2 thi Cuối kỳ Học kỳ 1 năm học 2019-2020>

Cho lược đồ cơ sở dữ liệu “Quản lý thẻ vận hội Olympic” có cấu trúc như sau:

Quocgia (MaQG, TenQG, ChauLuc, DienTich)

Tân từ: Quan hệ **Quocgia** chứa thông tin về quốc gia gồm: mã quốc gia (MaQG), tên quốc gia (TenQG), tên châu lục (ChauLuc), diện tích (DienTich).

Thevanhoin (MaTVH, TenTVH, MaQG, Nam)

Tân từ: Quan hệ **Thevanhoin** chứa thông tin về thẻ vận hội gồm: mã thẻ vận hội (MaTVH), tên thẻ vận hội (TenTVH), mã quốc gia đăng cai thẻ vận hội (MaQG), năm (Nam) diễn ra thẻ vận hội.

Vandongvien (MaVDV, HoTen, NgSinh, GioiTinh, QuocTich)

Tân từ: Quan hệ **Vandongvien** chứa thông tin vận động viên gồm: mã vận động viên (MaVDV), họ tên (HoTen), ngày sinh (NgSinh), giới tính (GioiTinh), quốc tịch (QuocTich) của vận động viên (quốc tịch chính là mã quốc gia)

Noidungthi (MaNDT, TenNDT, GhiChu)

Tân từ: Quan hệ **Noidungthi** chứa thông tin nội dung thi gồm: mã nội dung thi (MaNDT), tên nội dung thi (TenNDT), ghi chú (GhiChu).

Thamgia (MaVDV, MaNDT, MaTVH, HuyChuong)

Tân từ: Quan hệ **Thamgia** chứa thông tin vận động viên (MaVDV) tham dự nội dung (MaNDT) gì ở thẻ vận hội (MaTVH) nào và đạt huy chương gì (thuộc tính HuyChuong có giá trị là: 0 nếu không đạt huy chương, 1 nếu đạt huy chương vàng, 2 nếu đạt huy chương bạc, 3 nếu đạt huy chương đồng).

Ghi chú: Các thuộc tính gạch dưới là các thuộc tính khóa chính

Hãy phát biểu chặt chẽ ràng buộc toàn vẹn (1.5 điểm)

Đề 1:

Tại một kỳ thẻ vận hội, mỗi nội dung thi chỉ có duy nhất một huy chương vàng.

***Lưu ý:** Không được sửa thuộc tính khóa chính.

Đề 2:

Hai kỳ thẻ vận hội liên tiếp không được tổ chức ở cùng một quốc gia. Biết rằng, thẻ vận hội diễn ra cứ 4 năm 1 lần.

***Lưu ý:** Không được sửa thuộc tính khóa chính.

IV. QUẢN LÝ HỒ SƠ BỆNH ÁN

<Trích đề 1 và 2 thi Cuối kỳ Học kỳ 1 năm học 2020-2021>

Cho lược đồ cơ sở dữ liệu “Quản lý hồ sơ bệnh án điện tử công dân” có cấu trúc như sau:

BENHNHAN (MABN, HOTEN, NGSINH, CMND, DIACHI, DOITUONG, SLPT)

Tân từ: Quan hệ BENHNHAN lưu trữ thông tin của một bệnh nhân, bao gồm: họ tên (HOTEN), ngày sinh (NGSINH), số chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu (CMND), địa chỉ (DIACHI), đối tượng (DOITUONG), số lần phẫu thuật (SLPT). Mỗi bệnh nhân được cấp một mã số (MABN).

KHAMBENH (MAKB, MABN, BENH, BENHKT, BATDAU, KETTHUC, KETLUAN, TAIKHAM)

Tân từ: Quan hệ KHAMBENH chứa các thông tin của việc khám bệnh, bao gồm: mã khám bệnh (MAKB), mã bệnh nhân được khám bệnh (MABN), bệnh chính (BENH), bệnh kèm theo (BENHKT), thời gian bắt đầu việc khám bệnh (BATDAU), thời gian kết thúc việc khám bệnh (KETTHUC), kết luận của bác sĩ (KETLUAN) và ngày hẹn tái khám nếu có (TAIKHAM).

PHAUTHUAT (MAPT, MAKB, BOPHANPT, LOAIPT, KETQUA)

Tân từ: Quan hệ PHAUTHUAT chứa các thông tin sự kiện phẫu thuật, bao gồm: mã phẫu thuật (MAPT), mã khám bệnh mà bác sĩ kết luận chỉ định phẫu thuật (MAKB), bộ phận cơ thể cần phẫu thuật (BOPHANPT), loại phẫu thuật (LOAIPT) và kết quả ca phẫu thuật (KETQUA).

BACSI (MABS, HOTEN, NAMSINH, CHUYENMON, KHOA, BENHVIEN)

Tân từ: Quan hệ BACSI lưu trữ thông tin các bác sĩ, bao gồm: mã bác sĩ (MABS), họ tên (HOTEN), năm sinh (NAMSINH), chuyên môn (CHUYENMON), khoa (KHOA) và bệnh viện đang công tác (BENHVIEN).

PHUTRACH (MABS, MAKB, BATDAUPT, KETTHUCPT)

Tân từ: Quan hệ PHUTRACH lưu trữ thông tin phụ trách khám bệnh của mỗi bác sĩ, bao gồm: mã bác sĩ phụ trách (MABS), mã khám bệnh (MAKB), thời điểm bắt đầu phụ trách (BATDAUPT), thời điểm kết thúc (KETTHUCPT).

Ghi chú: Các thuộc tính gạch dưới là các thuộc tính khóa chính.

Hãy phát biểu chặt chẽ ràng buộc toàn vẹn (1.5 điểm)

Đề 1, 2:

“Số lần phẫu thuật của một bệnh nhân phải bằng số lần phẫu thuật được chỉ định qua các lần khám của bệnh nhân đó.”

V. QUẢN LÝ ĐẶT HÀNG VÀ PHÂN BỐ VẮC-XIN

<Trích đề 1 và 2 thi Cuối kỳ Học kỳ 2 năm học 2020-2021>

Cho một phần lược đồ cơ sở dữ liệu “Quản lý đặt hàng và phân bổ vắc xin Covid-19” có cấu trúc như sau:

VACXIN (MAVX, TENVX, LOAIVX, MACTY, HQLS, HQTT, SOMUI)

Tân từ: Quan hệ VACXIN lưu trữ thông tin của một vắc xin cụ thể, bao gồm: tên vắc xin (TENVX), loại vắc xin (LOAIVX), mã công ty sản xuất (MACTY), hiệu quả lâm sàng (HQLS), hiệu quả thực tế (HQTT) và số mũi tiêm cần thiết (SOMUI). Mỗi vắc xin được cấp một mã số (MAVX) để quản lý. Giá trị hiệu quả lâm sàng và hiệu quả thực tế có đơn vị là phần trăm (%).

CONGTY (MACTY, TENCTY, QUOCGIA, NAMTL)

Tân từ: Quan hệ CONGTY chứa thông tin các hãng sản xuất vắc xin. Thông tin bao gồm: mã công ty (MACTY), tên công ty (TENCTY), quốc gia (QUOCGIA) và năm thành lập (NAMTL).

DIAPHUONG (MADP, TENDP, SOF0, SOTV, DATIEM, TONGPB)

Tân từ: Quan hệ DIAPHUONG là quan hệ ghi nhận thông tin của các địa phương (tỉnh/thành phố), bao gồm: mã địa phương (MADP), tên địa phương (TENDP), số lượng bệnh nhân F0 (SOF0), số ca tử vong (SOTV), số lượng vắc xin đã tiêm (DATIEM) và tổng số lượng vắc xin được phân bổ (TONGPB).

DATHANG (MADH, MAVX, NOIDAT, SL, THGIAO, TINHTRANG)

Tân từ: Quan hệ DATHANG là quan hệ chứa các thông tin đặt hàng vắc xin từ các chương trình hỗ trợ, chính phủ, công ty. Thông tin bao gồm: mã đặt hàng (MADH), mã vắc xin (MAVX), nơi đặt (NOIDAT), số lượng (SL), thời hạn giao vắc xin (THGIAO) và tình trạng của đơn đặt hàng (TINHTRANG).

PHANBO (MADP, MAVX, DOT, SL, NGAYCAP)

Tân từ: Quan hệ PHANBO lưu trữ thông tin phân bổ vắc xin về các địa phương, bao gồm: mã địa phương (MADP), mã vắc xin (MAVX), đợt cấp (DOT), số lượng (SL) và ngày cấp (NGAYCAP).

Ghi chú: Các thuộc tính gạch dưới là các thuộc tính khóa chính.

Hãy phát biểu chặt chẽ ràng buộc toàn vẹn (1.5 điểm)

Đề 1, 2:

“Tổng số lượng vắc xin được phân bổ của từng địa phương (TONGPB) phải bằng tổng số lượng (SL) các vắc xin được phân bổ qua các đợt về địa phương đó.”